

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NTC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NTC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NTC VIET NAM INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NTC INVEST., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108261409

3. Ngày thành lập: 08/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 195, ngõ 82, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941064588

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: + Bán buôn quặng kim loại + Bán buôn sắt, thép + Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải + Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: + Khách sạn + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: + Buôn bán gia công lắp đặt các sản phẩm: Inốc, sắt thép, nhôm, kính, nhựa, gỗ (trừ nhóm gỗ nhà nước cấm) + Đại lý kinh doanh sách báo được phép lưu hành + Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác + Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh + Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh + Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện + Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự + Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm + Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649(Chính)
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: + Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn + Bán buôn dầu thô + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan + Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
9.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: + Hoạt động trang trí nội thất	7410
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Đại lý du lịch	7911
13.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
16.	In ấn	1811
17.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
18.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
19.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
20.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
24.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

25.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: + Bán buôn đồ uống có cồn. + Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: + Kinh doanh lữ hành	7912
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì: + Công viên và vườn, + Nhà riêng và công cộng, + Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...), + Tòa nhà công nghiệp và thương mại; - Trồng cây xanh cho: + Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà), + Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf),	8130
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn du học (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).	8560
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Xuất nhập khẩu các sản phẩm, mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ các hoạt động đấu giá)	8299
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: + Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến + Bán buôn xi măng + Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi + Bán buôn kính xây dựng + Bán buôn sơn, vécni + Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh + Bán buôn đồ ngũ kim + Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; + Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn bảo hiểm, tài chính, pháp lý và chứng khoán)	6619
40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn bất động sản + Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
41.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: + Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7210
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Hoạt động phiên dịch	7490
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Phá dỡ	4311
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đầu giá)	4530
51.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: + Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
52.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
53.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
54.	Xây dựng công trình công ích	4220
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đầu giá)	4513

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ XUÂN	Số 5, phố An Dương Vương, tổ 17, cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	20,000	001168008095	
2	NGUYỄN THỊ CHINH	Tổ dân phố 7, thôn Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.600.000.000	80,000	C4675284	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C4675284

Ngày cấp: 06/03/2018

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 7, thôn Hòa Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 195, ngõ 82, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội